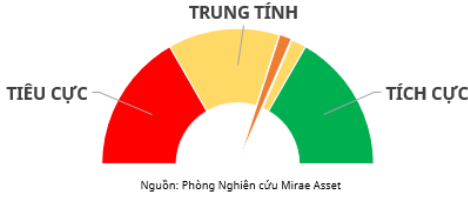


07 Tháng Sáu 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,291.35	0.10	-2.85	-4.96
HNX	304.15	-0.87	-11.45	-4.55
UPCOM	93.69	-0.22	-8.03	5.20
MSCI EM	1,071.33	1.00	3.86	-22.40
NIKKEI	27,943.95	0.10	3.48	-3.71
HANG SENG	21,531.67	-0.56	7.65	-25.20
KOSPI	2,626.34	-1.66	-0.69	-18.94
FTSE	7,609.63	0.02	3.00	7.52
S&P 500	4,121.43	0.31	-0.05	-2.49
NASDAQ	12,061.37	0.40	-0.69	-13.11

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	13.93	2.18	15.85
SET INDEX	17.55	1.20	9.18
JCI INDEX	3.48	2.15	12.98
PCOMP INDEX	19.36	1.65	8.96

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.43	5	17	131
10 năm	3.14	1	7	91

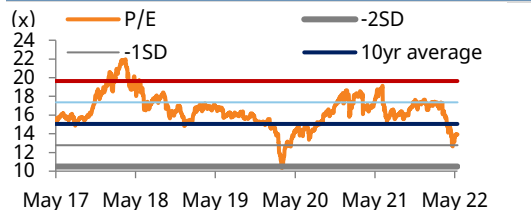
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,195	0.00	-1.05	-0.73
US\$/KRW	1,257	-1.19	1.29	-11.50
US\$/JPY	133	-0.57	-1.76	-17.63
US\$/EUR	0.94	0.11	-1.18	14.08
US\$/GBP	0.80	0.24	-1.37	13.40
US\$/SGD	1.38	0.02	1.05	-3.87

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	656	591	961
HNX	73	72	129
UPCOM	76	35	73

Định giá VN-INDEX: P/E lịch sử



Nhận định thị trường

Thoát hiểm vào phút chót

Liên tục trong các phiên gần đây, giao dịch trong ngày của VN-Index tạo cảm giác bất ngờ cho nhà đầu tư. Trong phiên sáng, thị trường rơi vào vùng giảm điểm và có lúc rơi sâu gần 30 điểm. Tuy nhiên từ đây, lực cầu bắt đáy xuất hiện và mỗi lúc mạnh hơn vào phiên chiều giúp cho VN-Index phục hồi mạnh mẽ, và đến phiên ATC thậm chí đóng cửa ngang tham chiếu. Chốt phiên hôm nay, VN-Index dừng tại 1.291 điểm, gần như đi ngang khi chỉ tăng 1 điểm, tương ứng 0,1% so với phiên giao dịch ngày hôm trước. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 17.834 tỷ đồng, HNX: 3.369 tỷ đồng, UPCOM: 1.689 tỷ đồng.

Tuy là phiên giao dịch đi ngang nhưng số mã giảm điểm (309) tiếp tục áp đảo số mã tăng (149). Diễn biến khá giống với phiên hôm qua khi Hóa chất, Dầu khí, Năng lượng và Thủy sản là các nhóm thu hút dòng tiền và được nhà đầu tư ưa thích. Bên cạnh đó, ngành Dệt may cũng có phiên giao dịch bùng nổ với hàng loạt cổ phiếu tăng mạnh từ 5%-10% như GIL, TNG, MSH, HTG, TCM, VGT.

Khối ngoại hôm nay mua ròng nhẹ hôm với giá trị hơn 240 tỷ, và chứng chỉ quỹ FUEVFVND tiếp tục được mua ròng mạnh nhất với giá trị 315 tỷ đồng.

Phiên giao dịch đi ngang và điểm số kỹ thuật suy được giữ nguyên. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 13,9x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	3	TRUNG TÍNH
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	5	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	4	KHẢ QUAN
Dow Jones	6	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

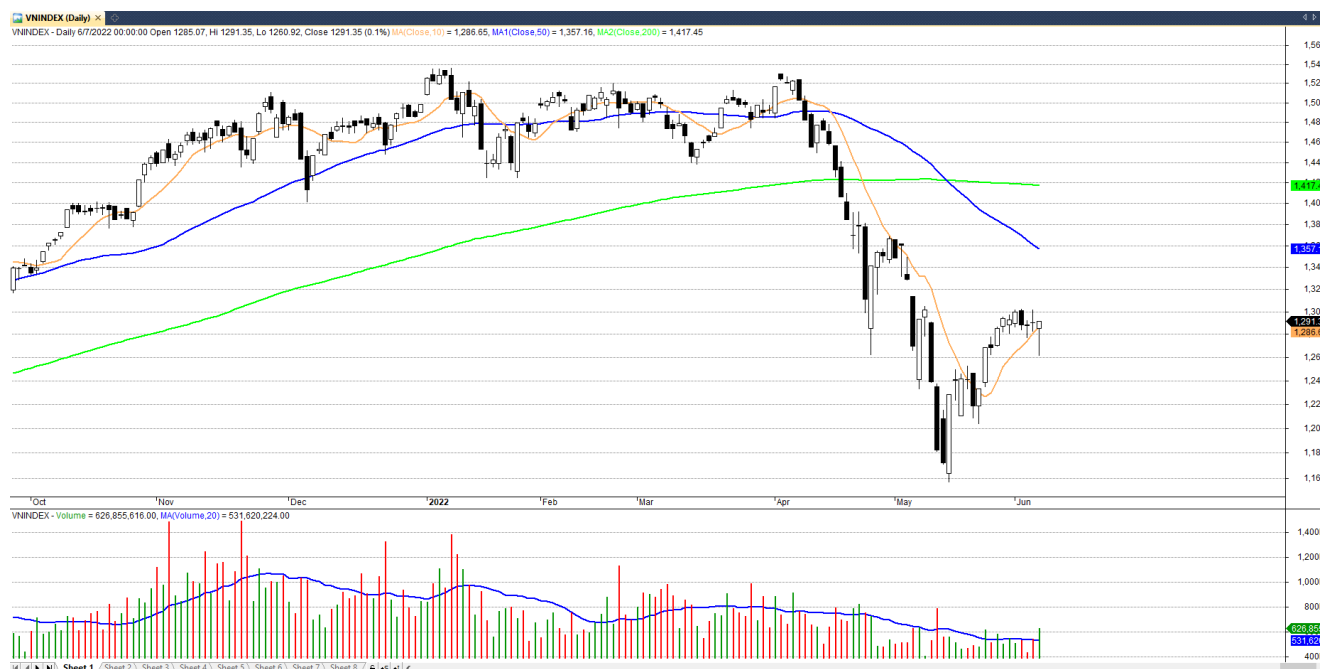
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (07/06/2022)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	1.340
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.240
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.200

Liên tục đi ngang tại vùng 1.290-1.300, trong ngắn hạn VN-Index có xu hướng tiếp tục kiểm định vùng giá này.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

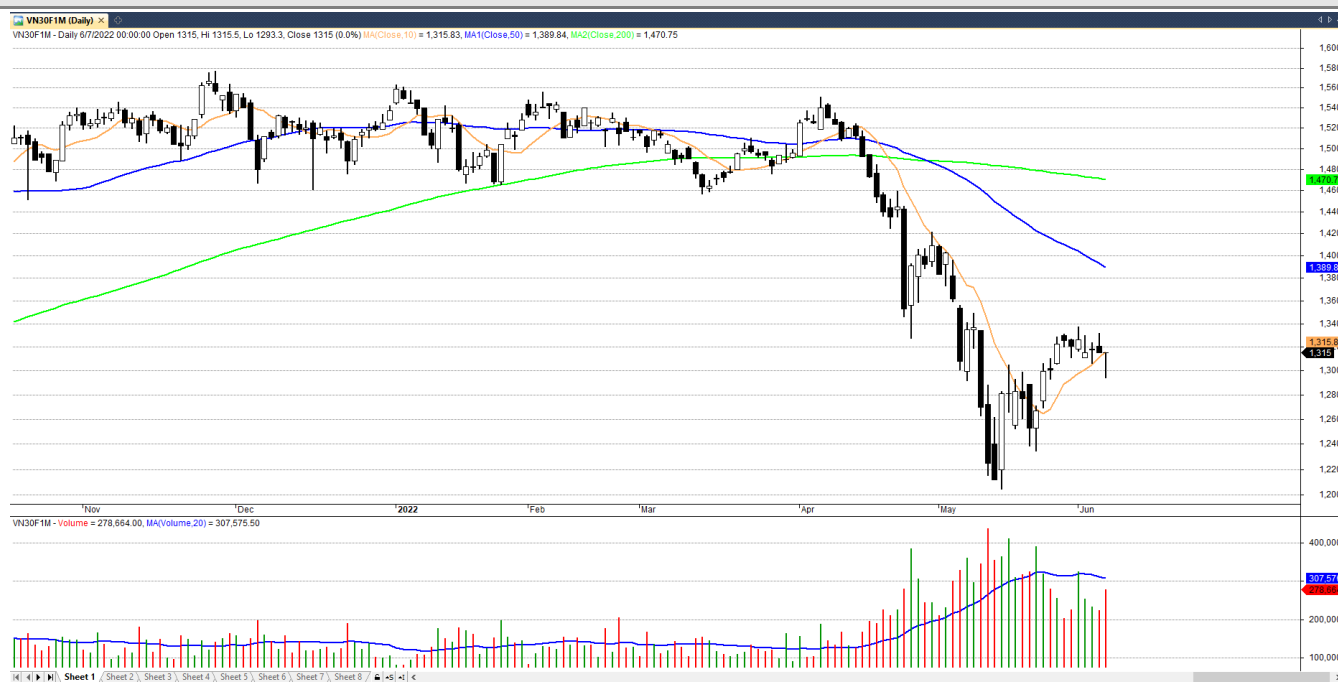
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (07/06/2022)	1.315	Kháng cự 1 1.330
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.400
VN30 - đóng cửa	1.325	Hỗ trợ 1 1.270
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-9,3	Hỗ trợ 2 1.240

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	+2	TRUNG TÍNH

Sau khi giảm sâu vào buổi sáng, VN30F1M phục hồi trong ngày và đóng cửa ngang tham chiếu. Điểm kỹ thuật được giữ nguyên.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DGC	Hóa chất	124,900	1,639,295	100	7	Top sức mạnh ngành
FPT	Phần mềm	115,600	2,276,275	92	7	
FMC	Thủy sản	69,500	158,125	98	5	
VHC	Thủy sản	114,000	1,966,435	94	4	
PNJ	Bán lẻ	128,000	1,079,635	99	7	Top sức mạnh ngành
DCM	Phân bón	42,500	6,565,735	91	4	
BWE	Nước	56,300	325,000	82	5	
GAS	Dầu khí	130,000	1,110,820	97	5	
TNG	Dệt may	32,100	2,659,975	96	5	Top sức mạnh ngành
HAH	Kho bãi, hậu cần	89,900	2,197,710	78	4	
DPM	Phân bón	67,500	5,206,380	79	6	
FRT	Bán lẻ	96,100	1,172,180	82	7	Top sức mạnh ngành
PVT	Vận tải Thủy	23,250	3,704,375	90	5	Top sức mạnh ngành
REE	Điện	96,000	1,405,130	83	7	
HDG	Bất động sản	53,600	1,387,350	90	5	
GMD	Kho bãi, hậu cần	61,400	3,102,315	84	7	
ANV	Thủy sản	59,200	1,844,130	88	4	
POW	Điện	14,750	13,418,915	81	5	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
FPT	115.6	2,276,275	7	KHẢ QUAN	105,681	22.4	5.5	263
DGC	124.9	1,639,295	7	KHẢ QUAN	46,368	14.3	6.4	205
GMD	61.4	3,102,315	7	KHẢ QUAN	18,505	27.2	2.8	190
PNJ	128	1,079,635	7	KHẢ QUAN	31,023	23.5	3.9	138
REE	96	1,405,130	7	KHẢ QUAN	34,119	16.0	2.5	135
FRT	96.1	1,172,180	7	KHẢ QUAN	11,385	19.7	6.2	113
VSC	53.7	1,074,515	7	KHẢ QUAN	5,920	14.7	2.2	58
DPM	67.5	5,206,380	6	KHẢ QUAN	26,415	5.2	2.2	351
MWG	153	1,336,790	6	KHẢ QUAN	111,974	21.8	5.0	205
KDC	63.5	1,430,585	6	KHẢ QUAN	15,978	26.0	2.4	91
PVS	33	13,338,810	5	KHẢ QUAN	15,773	23.4	1.3	440
BSR	31.7	13,012,250	5	KHẢ QUAN	98,286	15.0	2.6	412
POW	14.75	13,418,915	5	KHẢ QUAN	34,543	17.2	1.2	198
GAS	130	1,110,820	5	KHẢ QUAN	248,814	25.4	4.6	144
MSN	117.9	1,071,435	5	KHẢ QUAN	167,022	16.7	6.1	126
IDI	27	3,931,690	5	KHẢ QUAN	6,146	19.4	1.9	106

BVH	56.1	1,762,375	5	KHẢ QUAN	41,644	22.2	1.9	99
PVT	23.25	3,704,375	5	KHẢ QUAN	7,525	11.1	1.4	86
TNG	32.1	2,659,975	5	KHẢ QUAN	3,214	11.9	2.2	85
VCB	81	980,885	5	KHẢ QUAN	383,334	16.7	3.3	79
HDG	53.6	1,387,350	5	KHẢ QUAN	10,926	10.4	2.4	74
PLX	46.7	1,437,995	5	KHẢ QUAN	59,337	23.9	2.3	67
CTR	89.8	712,320	5	KHẢ QUAN	8,345	21.2	5.9	64
PC1	42	1,449,475	5	KHẢ QUAN	9,877	13.0	2.0	61
SBT	18.25	2,563,500	5	KHẢ QUAN	11,482	16.0	1.4	47
CMX	22.45	2,061,630	5	KHẢ QUAN	2,039	15.1	1.9	46
GIL	76.8	585,255	5	KHẢ QUAN	4,608	8.7	1.9	45
PAN	24.35	1,560,240	5	KHẢ QUAN	5,087	14.5	1.2	38
DCM	42.5	6,565,735	4	KHẢ QUAN	22,500	7.5	2.5	279
VHC	114	1,966,435	4	KHẢ QUAN	20,742	13.7	3.3	224
HAH	89.9	2,197,710	4	KHẢ QUAN	6,140	11.2	3.7	198
ANV	59.2	1,844,130	4	KHẢ QUAN	7,526	27.7	3.0	109
MIG	32.25	2,171,000	4	KHẢ QUAN	4,612	18.1	2.5	70
ASM	19.5	4,642,715	3	TRUNG TÍNH	6,562	9.4	1.3	91
PVC	26	2,233,125	3	TRUNG TÍNH	1,300	601.8	1.8	58
PET	45.9	1,059,160	3	TRUNG TÍNH	4,124	14.3	2.2	49
VGT	20.4	1,884,760	3	TRUNG TÍNH	10,200	13.0	1.5	38
TCM	54.5	619,175	3	TRUNG TÍNH	4,466	34.2	2.5	34
CSV	55	610,415	3	TRUNG TÍNH	2,431	9.1	2.0	34
VPB	30.45	10,695,910	2	TRUNG TÍNH	135,365	7.9	1.6	326
GEX	22.85	11,243,840	2	TRUNG TÍNH	19,457	16.9	1.5	257
PVD	23.5	8,088,480	2	TRUNG TÍNH	11,876	209.0	0.9	190
CTG	27.4	4,704,655	2	TRUNG TÍNH	131,678	10.7	1.3	129
DGW	130	592,440	2	TRUNG TÍNH	11,778	15.1	5.8	77
VGC	41.6	1,087,745	2	TRUNG TÍNH	18,651	11.3	2.4	45
SZC	55	670,520	2	TRUNG TÍNH	5,500	19.9	3.9	37
VHM	68.5	3,530,535	0	TRUNG TÍNH	298,274	7.8	2.3	242
MBB	26.95	7,415,950	0	TRUNG TÍNH	101,826	7.4	1.6	200
VNM	70.6	2,024,880	0	TRUNG TÍNH	147,551	16.1	4.6	143
IDC	51	2,428,745	0	TRUNG TÍNH	15,300	23.3	3.7	124
HUT	30	3,579,985	0	TRUNG TÍNH	10,459	57.1	2.6	107
VRE	29.9	3,127,030	0	TRUNG TÍNH	67,942	74.6	2.2	93
ACB	24.95	2,903,130	0	TRUNG TÍNH	84,267	8.1	1.7	72
KSB	33.8	1,490,335	0	TRUNG TÍNH	2,579	12.0	1.4	50
GVR	25.3	1,825,625	0	TRUNG TÍNH	101,200	23.0	2.0	46
DBC	24.3	1,478,035	0	TRUNG TÍNH	5,601	11.8	1.2	36
STB	20.2	19,740,856	-1	TRUNG TÍNH	38,081	9.6	1.1	399
HBC	20.9	5,034,635	-1	TRUNG TÍNH	5,134	46.7	1.4	105
FCN	16.25	3,027,100	-1	TRUNG TÍNH	2,558	45.5	1.0	49
SSI	28.2	19,087,520	-2	TRUNG TÍNH	27,996	9.3	1.9	538
VND	23.9	9,543,965	-2	TRUNG TÍNH	29,106	6.9	1.8	228
TCB	36.2	6,125,570	-2	TRUNG TÍNH	127,095	6.6	1.3	222
VCI	39.15	4,557,485	-2	TRUNG TÍNH	13,115	8.0	1.8	178
HSG	20.45	8,453,640	-2	TRUNG TÍNH	10,092	2.9	0.9	173

KBC	43	2,943,195	-2	TRUNG TÍNH	24,756	37.2	1.7	127
PDR	52.9	2,304,800	-2	TRUNG TÍNH	35,530	19.0	4.9	122
VJC	126.8	684,210	-2	TRUNG TÍNH	68,676	350.8	4.0	87
VPI	60.6	1,257,535	-2	TRUNG TÍNH	13,332	32.9	4.4	76
ITA	11.4	6,551,585	-2	TRUNG TÍNH	10,697	48.4	1.0	75
HQC	5.5	11,753,250	-2	TRUNG TÍNH	2,621	322.9	0.6	65
HDB	25.3	2,348,320	-2	TRUNG TÍNH	50,909	7.9	1.6	59
TCH	12.7	4,274,290	-2	TRUNG TÍNH	8,486	16.1	0.9	54
KDH	40.4	999,475	-2	TRUNG TÍNH	25,975	21.5	2.5	40
NKG	21.4	6,728,700	-3	TRUNG TÍNH	5,634	2.2	0.9	144
SHB	13.65	9,740,215	-3	TRUNG TÍNH	36,403	5.7	1.0	133
VCG	24.7	3,450,910	-3	TRUNG TÍNH	10,910	13.0	1.6	85
LPB	14.2	4,829,685	-3	TRUNG TÍNH	21,351	6.4	1.1	69
HDC	56.2	1,094,900	-3	TRUNG TÍNH	4,860	14.6	3.2	62
SCR	11.35	4,287,315	-3	TRUNG TÍNH	4,158	19.9	0.9	49
BID	33.6	1,105,530	-3	TRUNG TÍNH	169,966	14.8	2.0	37
HPG	33.2	21,752,450	-4	TIÊU CỰC	148,501	4.5	1.5	722
SHS	17.6	10,454,400	-4	TIÊU CỰC	7,546	5.7	1.4	184
VIC	78	2,028,655	-4	TIÊU CỰC	297,487	#N/A N/A	2.8	158
CII	20.8	5,622,745	-4	TIÊU CỰC	5,246	16.4	1.0	117
HCM	22.8	4,366,200	-4	TIÊU CỰC	10,424	8.7	1.4	100
AAA	12.05	3,950,000	-4	TIÊU CỰC	3,934	12.3	0.8	48
DIG	52.9	8,069,270	-5	TIÊU CỰC	26,444	25.0	3.5	427
CEO	39.1	5,083,365	-5	TIÊU CỰC	10,062	68.5	3.3	199
BCG	19.75	6,021,820	-5	TIÊU CỰC	9,940	9.0	1.6	119
HAG	8.45	11,668,765	-5	TIÊU CỰC	7,837	15.3	1.7	99
TPB	29.6	2,889,515	-5	TIÊU CỰC	46,820	8.9	1.7	86
VIX	11.8	6,882,435	-5	TIÊU CỰC	6,480	5.7	1.0	81
LCG	13.8	3,514,510	-5	TIÊU CỰC	2,379	12.1	1.0	49
LDG	11.45	4,101,070	-5	TIÊU CỰC	2,742	20.2	0.8	47
IDJ	18.5	2,454,835	-5	TIÊU CỰC	2,720	11.5	1.6	45
TTF	8.8	4,323,235	-5	TIÊU CỰC	3,463	63.3	8.7	38
DXG	21.65	10,071,285	-7	TIÊU CỰC	13,153	14.4	1.4	218
NVL	76	2,736,300	-7	TIÊU CỰC	148,183	35.1	4.1	208
NLG	41.2	2,624,295	-7	TIÊU CỰC	15,777	21.7	1.8	108
FLC	4.85	10,060,635	-7	TIÊU CỰC	3,443	#N/A N/A	0.4	49

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Ba dấu hiệu cho thấy lạm phát toàn cầu đã đạt đỉnh

Ba yếu tố liên quan tới nguồn cung, vốn góp phần đẩy lạm phát toàn cầu lên cao trong thời gian qua, đang có dấu hiệu đảo chiều, đồng nghĩa với việc giá cả hàng hóa tiêu dùng có thể giảm xuống trong thời gian tới. Giá chip bán dẫn, thước đo chi phí một loạt các sản phẩm điện tử thành phẩm như laptop, máy rửa bát, bóng đèn LED và thiết bị y tế, hiện tại chỉ bằng một nửa so với thời điểm tháng 7/2018 và thấp hơn 14% so với giữa năm 2021. Cước vận chuyển container, chiếm một phần không nhỏ trong cơ cấu giá thành các sản phẩm may mặc tại Chicago, vật dụng xa xỉ tại Singapore hoặc đồ nội thất tại châu Âu, cũng giảm 26% kể từ tháng 9/2021, thời điểm giá cước vận tải đạt đỉnh lịch sử. Giá phân bón khu vực Bắc Mỹ, một chỉ dấu phản ánh diễn biến lạm phát lương thực toàn cầu, hiện đang thấp hơn 24% so với thời điểm tháng 3/2022. Với việc lạm phát tại châu Âu vượt ngưỡng 8%, lạm phát tháng 5 tại Mỹ được dự báo sẽ cao tương đương tháng trước đó và tình trạng giá cả leo thang tại châu Á, các ngân hàng trung ương đang nỗ lực kiểm soát tình hình. Trong bối cảnh nhiều ngân hàng trung ương trên toàn cầu đang "chạy đua" lãi suất, ngày càng có nhiều hơn các chuyên gia kinh tế nhận định lạm phát đã "ở sau lưng". Tuy nhiên, người tiêu dùng cần phải chờ đợi trong một khoảng thời gian trước khi giá cả hàng hóa giảm xuống. Và đó sẽ là thời điểm các ngân hàng trung ương cân nhắc "rà phanh" quá trình siết chính sách tiền tệ của mình. "Một số dấu hiệu cho thấy chúng ta không còn cách quá xa điểm đảo chiều lạm phát đã xuất hiện dù 'cơn sốt giá cả' tại một số quốc gia vẫn chưa chạm đỉnh", theo Khoon Goh, Giám đốc nghiên cứu khu vực châu Á tại Australia & New Zealand Banking Group. Chỉ số giá sản xuất tại Trung Quốc đạt đỉnh vào cuối năm 2021 và đang trong xu hướng giảm. Nhiều chuyên gia kinh tế dự báo chỉ số giá xuất xưởng tháng 5 tại quốc gia này tăng 6,5%, thấp hơn 1,5% so với tháng trước đó. Đó là những diễn biến đầy hứa hẹn cho thấy lạm phát hàng hóa nhập khẩu trên toàn cầu sẽ giảm xuống, Goh chia sẻ. Bên cạnh đó, cước vận tải thấp hơn và thời gian giao hàng nhanh hơn, phản ánh nhiều nút thắt chuỗi cung ứng được gỡ bỏ, sẽ giúp củng cố nhận định giá cả sẽ hạ nhiệt vào cuối năm nay, ông nói.

RAL: trình kế hoạch cổ tức năm 2021 tỷ lệ 50% bằng tiền

CTCP Bông đèn Phích nước Rạng Đông (HoSE:RAL) công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ năm nay. Cuộc họp sẽ tổ chức ngày 25/6. Năm ngoái, doanh nghiệp thu về 5.709,1 tỷ đồng doanh thu và 398,2 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt tăng 16% và 18,5% so với cùng kỳ. Đơn vị lý giải mức tăng trưởng này là do công ty ứng dụng ERP (Enterprise Resource Planning - hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp) vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời, công ty ứng dụng I4.0 để sản xuất những sản phẩm và hệ thống các giải pháp chiếu sáng xanh và chiếu sáng nhân tạo nông nghiệp công nghệ cao. Bên cạnh đó, Rạng Đông đã tái cấu trúc chiến lược sản phẩm, chuyển từ cung cấp sản phẩm thông thường sang sản phẩm cao cấp, kèm theo dịch vụ đồng bộ, trọn gói nhằm thoát khỏi cạnh tranh về số lượng, về giá và quy mô nhằm gia tăng giá

trị. Về phương án phân phối lợi nhuận, công ty sẽ trích 87,6 tỷ đồng để trả cổ tức năm trước bằng tiền mặt, tỷ lệ 50%. Công ty chưa đưa ra kế hoạch kinh doanh năm nay.

MPC: lên kế hoạch thưởng cổ phiếu tỷ lệ 100%

Theo tài liệu họp ĐHĐCĐ Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (UPCoM: MPC), công ty dự kiến phát hành 199,9 triệu cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. Nguồn vốn thực hiện từ thặng dư vốn cổ phần trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 đạt 2.297 tỷ đồng. Quyền nhận cổ phiếu thưởng sẽ không được phép chuyển nhượng. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá 1.999 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ của doanh nghiệp chăn nuôi tôm này gấp đôi lên 3.998 tỷ đồng. Năm nay, Minh Phú lên kế hoạch với doanh thu 21.018 tỷ đồng, lãi trước thuế 1.373 tỷ đồng, lần lượt tăng 55% và 109% so với thực hiện 2021. Chỉ tiêu lợi nhuận của công ty cao hơn so với mức đã đặt ra trong cáo thường niên là 1.287 tỷ đồng. Đơn vị này cũng kỳ vọng lượng xuất khẩu đạt 64.600 tấn tương ứng với giá trị xuất khẩu mục tiêu khoảng 796 triệu USD. Mức cổ tức dự kiến cho năm nay là 50% - 70%.

KDC: muốn bán hơn 28 triệu cổ phiếu quỹ

Tập đoàn Kido (HoSE: KDC) công bố quyết định HĐQT thông qua bán toàn bộ 28,1 triệu cổ phiếu quỹ, tương đương 10,5% tổng số lượng cổ phần đã phát hành. Mục tiêu bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp sẽ thực hiện giao dịch sau khi được UBCK chấp thuận hồ sơ đăng ký. Phương thức giao dịch có thể khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận thông qua công ty chứng khoán.

VEA: trình kế hoạch cổ tức 2021 tỷ lệ 40% bằng tiền

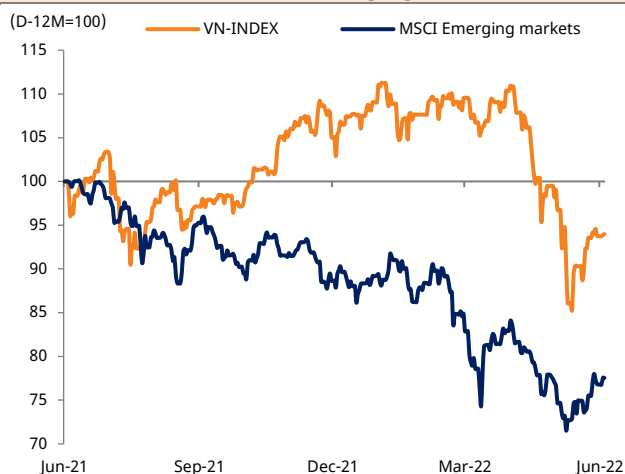
Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam (VEAM - UPCI:VEA) công bố tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm nay. Cuộc họp sẽ tổ chức ngày 24/6. Năm nay đơn vị đặt mục tiêu tổng doanh thu hợp nhất 9.573 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 5.137 tỷ đồng, lần lượt tăng 138% và giảm 11,3% so với cùng kỳ. Công ty dự định chi 5.365,2 tỷ đồng để trả cổ tức bằng tiền mặt năm trước, tỷ lệ 40,3766%, một cổ phiếu được nhận 4.037,66 đồng. VEAM là doanh nghiệp có truyền thống dùng gần như toàn bộ lợi nhuận giữ lại để trả cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ cao, như năm 2019 là hơn 52,5%, năm 2020 là 49,9%.

PAN: khởi động phương án tăng vốn lên hơn 4.100 tỷ đồng

Tập đoàn PAN (The PAN Group, HoSE: PAN) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua. Cụ thể, The PAN Group sẽ phát hành khoảng 83,6 triệu cổ phiếu tăng vốn từ nguồn thặng dư vốn cổ phần theo BCTC kiểm toán năm 2021, tỷ lệ 40%. Đồng thời, doanh nghiệp chào bán hơn 104,4 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 50%. Với giá chào bán 15.000 đồng/cp, doanh nghiệp dự thu

1.566 tỷ đồng. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng nhưng cổ phiếu phân phối lại khi cổ đông hiện hữu không mua hết bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm. Sau 2 phương án phát hành, vốn điều lệ tập đoàn dự kiến tăng lên 4.102 tỷ đồng. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường cuối năm trước, The PAN Group còn có phương án chào bán riêng lẻ 41,1 triệu cổ phiếu để tăng vốn lên hơn 4.500 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



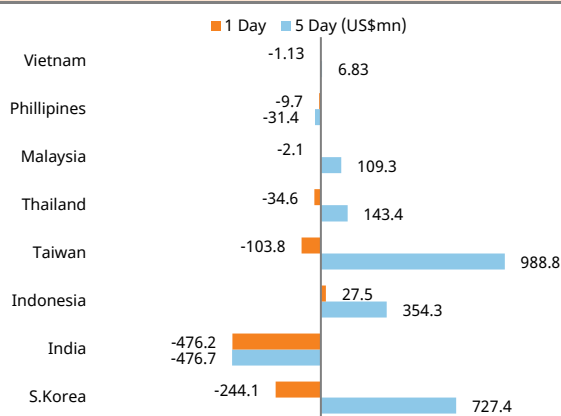
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



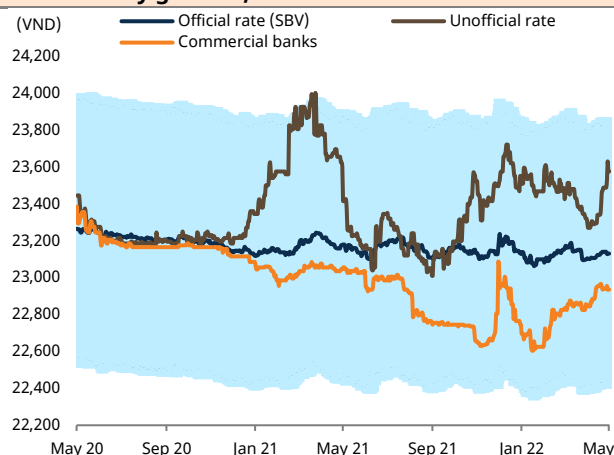
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



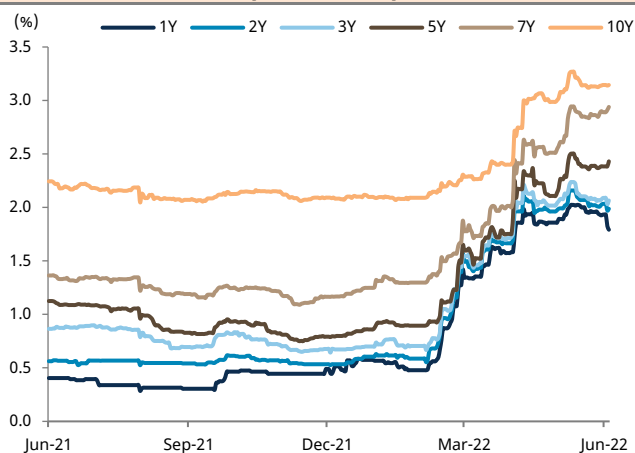
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



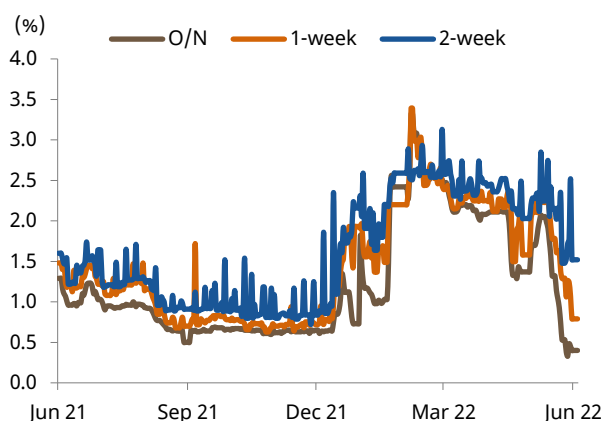
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,324.37	3,537,976		-0.2	-0.1	-3.6	-10.8	12.4	11.0	2.4	1.9	38.5	12.5	19.6	20.9
Asia Commercial Bank	ACB VN	24,950	84,267	30.0	-1.4	-1.6	0.6	-9.3	8.9	8.0	1.9	1.5	24.6	11.8	23.5	25.1
BIDV	BID VN	33,600	169,966	16.8	-1.8	-3.2	-9.2	-9.7	19.4	12.7	2.0	1.8	50.3	53.3	11.0	16.2
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,100	41,644	26.3	3.7	3.7	-12.1	-4.1	22.0	17.5	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	11.0
VietinBank	CTG VN	27,400	131,678	26.1	0.7	-1.3	1.5	-32.0	9.3	6.3	1.4	1.2	18.2	47.9	15.8	18.2
FPT Corp	FPT VN	115,600	105,681	49.0	2.3	3.7	15.4	39.8	26.6	22.8	5.8	5.0	21.5	16.5	23.4	26.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	130,000	248,814	2.8	0.1	9.3	18.4	43.3	29.8	20.2	4.9	4.5	8.1	47.7	16.8	22.1
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,300	101,200	0.5	0.6	-1.9	-5.6	-19.4	24.3	20.7	2.1	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	25,300	50,909	16.7	0.0	-2.7	5.2	-8.7	8.3	6.9	1.7	1.4	42.5	21.1	23.3	22.2
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	33,200	148,501	21.1	-0.3	0.2	-20.6	-37.0	4.6	4.8	1.6	1.3	151.5	-3.7	42.8	31.8
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	40,400	25,975	32.4	-0.6	-1.5	-12.4	14.5	22.6	19.0	2.6	2.3	3.1	18.7	12.2	13.1
MBBank	MBB VN	26,950	101,826	23.2	-1.1	-0.9	-3.8	-8.5	8.0	6.5	1.7	1.3	53.0	23.6	23.6	24.4
Masan Group Corp	MSN VN	117,900	167,022	28.7	0.8	3.1	0.8	35.4	19.5	26.2	5.1	4.1	589.7	-25.6	35.1	18.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	153,000	111,974	49.0	-1.1	3.6	4.4	68.6	22.2	17.6	5.4	4.6	18.2	26.2	27.3	28.1
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	76,000	148,183	6.3	-0.4	-3.7	-5.9	-2.5	41.8	28.8	4.2	3.7	-18.7	45.3	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	52,900	35,530	2.3	-1.5	-2.4	-13.3	-13.4	19.7	#N/A	5.0	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	46,700	59,337	17.2	4.0	7.4	2.0	-17.5	26.1	22.2	2.4	#N/A	160.6	17.4	9.7	10.8
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	128,000	31,023	48.8	2.4	3.9	20.2	28.5	30.5	20.9	4.8	3.6	-2.6	46.3	17.0	22.3
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,750	34,543	2.2	6.9	8.9	6.1	14.3	19.5	20.0	1.2	1.1	-24.2	-2.8	6.2	5.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	159,900	102,541	62.6	0.9	4.5	-4.5	3.1	29.1	23.2	4.8	4.3	-22.9	25.5	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	28,200	27,996	34.6	-2.8	-2.8	-2.3	-9.5	10.9	11.5	2.0	#N/A	100.3	-5.2	21.0	17.4
Sacombank	STB VN	20,200	38,081	20.7	-1.5	-6.3	-20.8	-34.2	12.4	#N/A	1.1	1.0	30.6	#N/A	9.5	12.0
Techcombank	TCB VN	36,200	127,095	22.5	0.4	-0.5	-12.8	-30.9	7.0	5.9	1.4	1.1	46.1	20.3	21.7	20.7
Tien Phong Bank	TPB VN	29,600	46,820	30.0	-3.6	-7.5	-11.9	7.4	9.2	#N/A	1.8	1.5	28.5	#N/A	22.6	22.4
Vietcombank	VCB VN	81,000	383,334	23.6	1.6	2.5	2.0	0.3	19.3	14.9	3.5	2.8	19.7	29.3	19.6	20.7
Vinhomes JSC	VHM VN	68,500	298,274	23.4	-1.2	-1.4	-0.3	-16.0	7.6	9.2	2.4	2.0	40.9	-17.6	36.9	23.4
Vingroup JSC	VIC VN	78,000	297,487	12.4	-0.6	-1.1	-2.3	-28.7	#N/A	256.0	2.9	2.9	-145.6	144.5	-2.8	1.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	126,800	68,676	16.9	-0.6	-1.5	-0.9	13.4	912.2	55.8	4.1	#N/A	6.1	1,533.8	0.5	7.7
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	70,600	147,551	54.5	-0.3	-0.7	0.6	-21.0	15.6	16.1	4.5	4.3	-5.3	-2.9	29.3	28.0
VPBank	VPB VN	30,450	135,365	17.4	-0.5	0.7	-10.8	-23.9	11.5	7.0	1.7	1.3	11.6	64.3	17.9	20.8
Vincom Retail JSC	VRE VN	29,900	67,942	31.0	-0.2	-0.2	1.0	-10.3	51.7	30.5	2.2	2.1	-44.8	69.4	4.4	7.3

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Phân ngành GICS	Index impact 1D (index points)	Mkt Cap (VND bn)	Price Performance (%)				EPS growth (%)*		P/E (x)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	1.34	5,116,319	0.1	0.2	-2.9	-5.0	35.3	17.5	14.9	12.7
Ô tô và phụ tùng	-0.01	9,438	-0.4	2.1	1.5	25.7	-0.3	32.4	15.7	11.9
Ngân hàng	-1.22	1,530,780	-0.3	-0.9	-4.8	-13.0	32.1	28.8	11.1	8.6
Xây dựng cơ bản	0.44	253,858	0.8	-1.0	-1.1	39.7	19.9	31.3	14.7	11.2
Dịch vụ thương mại	0.00	5,566	-0.3	2.0	-1.4	23.5	-5.1	33.5	16.5	12.4
May mặc và trang sức	0.34	58,265	2.3	2.4	8.4	27.8	11.7	61.0	19.0	11.8
Dịch vụ tiêu dùng	-0.01	7,419	-0.6	-2.0	-8.9	3.6	1798.5	165.3	75.7	28.5
Dịch vụ tài chính	-0.55	123,223	-1.7	-2.7	-6.0	-0.9	143.8	10.5	8.2	7.4
Dầu khí	0.82	82,727	4.1	6.6	6.2	-9.0	83.2	9.1	24.2	22.2
Thực phẩm, đồ uống	1.19	547,036	0.9	1.9	0.5	19.0	28.6	14.5	20.6	18.0
Y tế	0.02	3,300	2.8	7.9	-0.4	63.8	65.3	13.9	23.9	21.0
Bảo hiểm	0.59	56,248	4.3	3.5	-10.2	10.1	28.2	-2.5	18.9	19.4
Nguyên vật liệu	0.20	436,885	-0.1	1.1	-8.4	19.2	118.0	-3.5	7.7	8.0
Dược phẩm	0.03	29,899	0.4	-0.8	-6.0	3.1	7.4	5.1	16.7	15.9
Bất động sản	-2.08	1,113,572	-0.7	-2.1	-4.3	-7.2	8.0	10.2	20.4	18.5
Bán lẻ	-0.14	131,380	-0.6	3.4	4.1	89.2	33.8	24.1	20.8	16.7
Phần mềm và dịch vụ	0.59	113,212	2.1	3.5	14.0	42.0	22.6	23.3	26.6	21.6
Vận tải	0.01	193,439	0.1	-0.2	-3.9	33.2	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	1.15	393,106	1.2	7.2	13.4	37.3	10.1	16.8	22.2	19.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	81,000	1.6	933,000	1.6
DGC VN	124,900	5.8	2,536,900	0.6
FPT VN	115,600	2.3	3,908,000	0.6
PLX VN	46,700	4.0	1,631,000	0.6
POW VN	14,750	6.9	38,045,400	0.6
BCM VN	71,400	3.0	372,600	0.6
REE VN	96,000	4.6	2,258,000	0.4
BVH VN	56,100	3.7	3,214,100	0.4
MSN VN	117,900	0.8	1,460,100	0.3
GEX VN	22,850	5.8	10,901,100	0.3

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	68,500	-1.2	3,568,900	-0.9
BID VN	33,600	-1.8	1,172,500	-0.8
VIC VN	78,000	-0.6	1,562,200	-0.5
TPB VN	29,600	-3.6	2,127,800	-0.4
MWG VN	153,000	-1.1	1,845,100	-0.3
ACB VN	24,950	-1.4	2,255,000	-0.3
EIB VN	30,500	-3.0	109,500	-0.3
MBB VN	26,950	-1.1	5,525,200	-0.3
SHB VN	13,650	-2.8	9,427,800	-0.3
DXG VN	21,650	-6.9	20,238,500	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.